

Biểu mẫu 19**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI****THÔNG BÁO**

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2018 - 2019

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó:	473.323	x		
a	Trụ sở chính tại (Số 298 Đường Cầu Diễn - Quận Bắc Từ Liêm - TP Hà Nội)	50.540	x		
b	Cơ sở 2 tại (Phường Tây Tựu - Quận Bắc Từ Liêm - TP Hà Nội)	37.040	x		
c	Cơ sở 3 tại (Phường Lê hồng Phong - TP Phủ lý - Tỉnh Hà Nam)	385.743	x		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó:	200.140	x		
a	Trụ sở chính tại (Số 298 Đường Cầu Diễn - Quận Bắc Từ Liêm - TP Hà Nội)	93.915	x		
b	Cơ sở 2 tại (Phường Tây Tựu - Quận Bắc Từ Liêm - TP Hà Nội)	33.411	x		
c	Cơ sở 3 tại (Phường Lê hồng Phong - TP Phủ lý - Tỉnh Hà Nam)	72.814	x		



B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	25	Đào tạo	Cán bộ giảng viên; HS-SV	3.586	x		
2	Phòng thực hành, xưởng thực tập	151	Đào tạo	Cán bộ giảng viên; HS-SV	22.564	x		
3	Nhà tập đa năng	01	Đào tạo	Cán bộ giảng viên; HS-SV	2.100	x		
4	Hội trường	10	Đào tạo	Cán bộ giảng viên; HS-SV	6.848	x		
5	Phòng học lý thuyết, ngoại ngữ	288	Đào tạo	Cán bộ giảng viên; HS-SV	56.294	x		
6	Phòng học đa phương tiện...	16	Đào tạo	Cán bộ giảng viên; HS-SV	1.360	x		
7	Thư viện...	07	Đào tạo	Cán bộ giảng viên; HS-SV	8.028	x		
8	Trung tâm học liệu...	01	Đào tạo	Cán bộ giảng viên; HS-SV	213	x		
9	Các phòng chức năng khác							



C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

TT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	09
2	Số chỗ ngồi đọc	980
3	Số máy tính của thư viện	187
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	- 6.664 đầu tài liệu; - 1.050 đầu luận văn; - 5.791 đầu khóa luận; - 3.673 đầu tài liệu điện tử - 100 đầu báo tạp chí
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	26

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

TT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	18,07 m ² /sv
2	Diện tích sàn/sinh viên	7,64 m ² /sv

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2019


HIỆU TRƯỞNG
 Trần Đức Quý

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học,
trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2019-2020**

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			GS	PGS	TS	ThS	ĐH	CD	Khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Tổng số	1108	0	29	241	755	112	0	0	1060	19	29
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
b	Khối ngành II	17	0	0	1	16	0	0	0	17	0	0
	Thiết kế thời trang	17			1	16				17		
c	Khối ngành III	208	0	2	37	169	2	0	0	203	3	2
	Kế toán	75		1	12	62	1			73	1	1
	Kiểm toán	18		1	4	14				16	1	1
	Quản trị văn phòng	14			1	13				14		
	Maketing	11			4	7				11		
	Quản trị nhân lực	13			6	6	1			12	1	
	Quản trị kinh doanh	54			8	46				54		
	Tài chính ngân hàng	23			2	21				23		
d	Khối ngành IV	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
đ	Khối ngành V	524	0	27	152	344	28	0	0	484	13	27
	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	43		4	15	26	2			35	4	4
	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	41		5	14	27				34	2	5
	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	65		4	18	38	9			58	3	4
	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	42		2	12	28	2			40		2
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	47		1	9	38				45	1	1
	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	33			5	28				33		
	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	27		1	7	20				25	1	1
	CNKT máy tính	18			6	12				18		
	TT và Mạng máy tính	17			4	13				17		
	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	10		1	2	7	1			9		1
	Khoa học máy tính	35			3	28	4			34	1	
	Hệ thống thông tin	12			3	9				12		
	Kỹ thuật phần mềm	31			4	23	4			31		

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			GS	PGS	TS	ThS	ĐH	CĐ	Khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Công nghệ thông tin	28			6	17	5			27	1	
	Công nghệ kỹ thuật hóa học	31		6	20	11				25		6
	Công nghệ Thực phẩm	11		2	7	4				9		2
	Công nghệ kỹ thuật môi trường	10			9	1				10		
	Công nghệ vật liệu dệt may	11			6	5				11		
	Công nghệ may	12		1	2	9	1			11		1
e	Khối ngành VI	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
g	Khối ngành VII	79	0	0	27	51	1	0	0	78	1	0
	Du lịch	11			7	4				11		
	Ngôn ngữ Anh	25			6	19				25		
	Ngôn ngữ Trung Quốc	6			3	2	1			6		
	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7			3	4				7		
	Kinh tế đầu tư	8			1	7				8		
	Quản trị DV du lịch và Lữ hành	11			4	7				11		
	Quản trị khách sạn	11			3	8				10	1	
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	280			24	175	81			278	2	

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2019

Hiệu trưởng

Trần Đức Quý

Trưởng phòng TCHC


Nguyễn Văn Thiện

Biểu mẫu 20C

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường
cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2018 - 2019

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	0
2	Khối ngành II	8,82
3	Khối ngành III	24,19
4	Khối ngành IV	0
5	Khối ngành V	18,82
6	Khối ngành VI	0
7	Khối ngành VII	13,58

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI
Trần Đức Quý